

CÔNG TY ĐĂNG KÝ TÍN DỤNG TƯ NHÂN:

Sự lựa chọn trong một thị trường tài chính cạnh tranh

Đỗ Thiên Anh Tuấn

Thành phố Hồ Chí Minh

Một thực tế, nếu được quyền hoặc có nhiều khả năng tiếp cận các nguồn thông tin tín dụng phi chính thức thì các ngân hàng sẽ sẵn sàng tăng cường khả năng cho vay. Nhiều đối tượng khách hàng hiện tại và tiềm năng có nhiều sự lựa chọn hơn trong việc tiếp cận các nguồn lực tài chính chính thức nếu họ sẵn sàng chia sẻ các thông tin tín dụng của mình với các tổ chức đăng ký tín dụng. Những lợi ích mà các tổ chức đăng ký thông tin tín dụng này mang lại cho nền kinh tế chưa được đánh giá và thừa nhận đúng mức. Bài viết này trao đổi các ý kiến xung quanh vấn đề mang tính lý luận và dẫn chứng thực tiễn kinh nghiệm từ các quốc gia tiên phong, kể cả các nước có thị trường tài chính đang trong giai đoạn bước đầu hình thành và phát triển, làm cơ sở xây dựng các khuôn khổ thể chế cho sự thừa nhận hay không việc tồn tại hợp pháp các tổ chức đăng ký thông tin tín dụng tư nhân.

Sự cần thiết và vai trò của các tổ chức đăng ký tín dụng

Việc thành lập các công ty đăng ký thông tin tín dụng tư nhân, dù

công hay tư, xuất phát từ một nhu cầu thực tế và một điều kiện quan trọng.

Thứ nhất, nhu cầu thực tế là nhằm hạn chế rủi ro tín dụng, các ngân hàng cần phải được cung cấp nhiều thông tin hơn từ phía người đi vay. Các thông tin trước hết được chính người xin vay cung cấp. Các thông tin này thường được cho là thiếu trung thực, thiếu cơ sở khách quan và không đảm bảo tính chính xác. Yêu cầu đặt ra đối với nguồn thông tin này là chúng cần phải được kiểm chứng. Kiểm chứng là một quá trình trong đó bao gồm cả việc ngân hàng cử các nhân viên tín dụng đi thu thập và điều tra thông tin. Quá trình này đã làm tăng chi phí giao dịch của ngân hàng, là chi phí chìm, mà đôi khi do khó định lượng nên có thể bị bỏ qua hoặc không được đánh giá một cách đúng mức. Sau đó sẽ là một quá trình phân tích, xử lý và cuối cùng là phán xét hoặc là đồng ý hoặc không đồng ý cho vay hoặc phải có những điều khoản bổ sung thích hợp khi cho vay, trong đó có những điều khoản về thế chấp tài sản, định mức lãi suất cao hơn... Theo lý thuyết, ấn định lãi suất cao hơn nhằm bù vào độ rủi ro cao khi cho vay thiếu thông tin. Song thực tế, lãi suất cao tự nó không phải là một công cụ phòng chống rủi ro tốt. Lãi

suất cao sẽ tạo ra áp lực cho khách hàng trong vấn đề vay nợ, không hẳn đây là áp lực đặt ra cho người sử dụng vốn rằng cần phải sử dụng vốn hiệu quả mà còn là áp lực trả nợ. Lãi suất cao ban đầu gây áp lực lên khả năng trả lãi, sau đó quá trình vốn hoá tiền lãi lại là áp lực trả nợ gốc. Lãi suất cao chỉ mang lại thu nhập cho ngân hàng cao hơn khi khách hàng sử dụng vốn vay hiệu quả và trả nợ đầy đủ, đúng hạn. Tuy nhiên, lãi suất cao chỉ nhằm bù vào chi phí giao dịch, chi phí thông tin và cả các chi phí chìm liên quan đến khoản vay mà thôi.

Thứ hai, một điều kiện xuất phát từ những người đi vay, trong đó thường phải kể đến là các hộ gia đình nghèo, các doanh nghiệp nhỏ, luôn có cảm giác rằng mình bị đối xử thiếu công bằng, khó có khả năng tiếp cận vốn vay ngân hàng mà rào cản để nhận biết nhất đối với họ đó là phải có các tài sản thế chấp có đủ giá trị. Vậy nhưng điều mà họ không nhận ra, hoặc nhiều khi không thừa nhận, rằng ngân hàng thiếu các thông tin đủ tin cậy về uy tín tín dụng của bản thân. Đáp lại khả năng để ngân hàng có thể cho vay thì người đi vay phải có sự chia sẻ thông tin nhiều hơn nữa, nhiều khi phải thừa nhận sự xâm phạm đời tư, các quá trình kinh doanh nội bộ hoặc các quan hệ

nhân thân khác.

Ở nhiều nước, Chính phủ đứng ra thành lập các tổ chức cung cấp thông tin tín dụng công, mục đích chính là thu thập và cung cấp các thông tin tín dụng làm cơ sở để chính phủ quản lý rủi ro các tài sản tín dụng của hệ thống ngân hàng; đồng thời chúng cũng cung cấp các thông tin về lịch sử và uy tín tín dụng của các doanh nghiệp, các tổ chức, các cá nhân để các ngân hàng có cơ sở ra các quyết định cho vay. Các tổ chức này hoạt động như một cơ quan quản lý tín dụng của Chính phủ, với nhiều cơ chế pháp lý, các ngân hàng buộc phải báo cáo các thông tin về tình hình vay và trả nợ của các khách hàng. Các tổ chức này tích hợp những thông tin có được thành một kho cơ sở dữ liệu lớn về lịch sử tín dụng của mọi đối tượng đã từng có quan hệ tín dụng với các ngân hàng trong nền kinh tế. Các thông tin này được cung cấp cho các tổ chức có nhu cầu, thường là các ngân hàng, nhằm mục đích ra quyết định tài trợ vốn và phải trả các khoản phí nhất định. Những thông tin này quả thật rất quan trọng, là cơ sở tốt, nhưng không được xem là điều kiện tiên quyết để ngân hàng có thể quyết định cấp tín dụng. Lịch sử tín dụng của một khách hàng tốt chưa thể khẳng định rằng các quan hệ tín dụng tiếp theo cũng tốt, ngược lại, một khách hàng đã có ít nhiều nợ xấu không hẳn các quan hệ tín dụng tiếp theo cũng xấu. Điều đáng nói là các thông tin tín dụng do các tổ chức này cung cấp còn mang tính đơn điệu, chỉ là những con số thô và khó có thể đánh giá được tính chất của các khoản vay như mục đích của các khoản vay trong quá khứ, các lý do dẫn đến nợ quá hạn... Những lý do khách quan dẫn đến nợ quá hạn, thiếu khả năng trả

nợ đã không được phản ánh từ những con số. Hơn nữa, các tổ chức này không thể cung cấp các thông tin từ các quan hệ tín dụng thương mại. Trong khi đó, nhiều thông tin tương tự về lịch sử tín dụng của các khách hàng là doanh nghiệp cũng có thể được khai thác từ các báo cáo tài chính của doanh nghiệp, sổ theo dõi tình hình công nợ, bảng thanh toán lương, tình hình thực hiện nghĩa vụ nộp thuế, trong đó có khoản mục Nợ phải trả ở phần Nguồn vốn trong bảng Cân đối kế toán. Ở khoản mục này, nợ phải trả không chỉ bao gồm cả nợ vay ngân hàng mà còn các khoản nợ thương mại, các khoản nợ thuế, nợ lương... Các thông tin về lịch sử quá trình chiếm dụng và thanh toán các nghĩa vụ tài chính này thì không kém quan trọng so với, hoặc chỉ cần, các thông tin tín dụng ngân hàng. Điều quan trọng là các báo cáo tài chính cần phải có độ tin cậy cao, và nên được kiểm chứng bởi một công ty kiểm toán độc lập.

Những e ngại về khả năng thông tin tín dụng của khách hàng có thể bị sử dụng cho nhiều mục đích phi pháp gây những tác hại xã hội như nói xấu tên tuổi, bôi nhọ danh dự, uy tín và các mục đích thương mại như bán các bí mật kinh doanh, các công nghệ sản xuất...¹ đã làm cho ngành công nghiệp cung cấp thông tin tín dụng trở thành một ngành độc quyền, nơi chỉ có các tổ chức thuộc sở hữu chính nước được quyền hoạt động. Việc chỉ thừa nhận các tổ chức công cộng hoạt động tự nó không thể loại trừ hay kiểm soát hoàn toàn các tác động xã hội của việc sử dụng thông tin tín dụng sai mục đích, mà điều này chỉ cho thấy sự yếu kém về năng lực quản lý và sự lỏng lẻo ở các thể chế vận hành. Đứng ở góc độ nền kinh tế, rào cản thông tin đã tạo ra chi

phí giao dịch và rủi ro cao hơn.²

Nếu tổ chức cung cấp thông tin tín dụng hoạt động tốt sẽ tạo một áp lực lên người đi vay để trả nợ, bởi một tình trạng nợ nần dây dưa có thể ảnh hưởng xấu đến khả năng tiếp cận vốn vay về sau. Và có thể chính cơ chế vô hình này lại tỏ ra hiệu quả hơn so với cơ chế giám sát tình hình sử dụng vốn vay mà các ngân hàng áp dụng. Hơn nữa, vai trò của các tổ chức này còn được thể hiện là cầu nối hữu hiệu để ngân hàng có thể vươn đến các khách hàng tiềm năng chưa được phục vụ. Các nghiên cứu của Barron, Stern và Olegario (2000) chỉ ra việc chia sẻ thông tin qua các tổ chức đăng ký tín dụng đặc biệt có ích trên nhiều phương diện. Một khi càng có nhiều thông tin về các khách hàng được thu thập thì giá trị của các tổ chức đăng ký tín dụng đối với các ngân hàng tiềm năng cũng gia tăng, nhờ đó tạo điều kiện thuận lợi để các nguồn tài chính có thể đến được với nhiều đối tượng khách hàng hơn, trong đó đáng kể là các hộ gia đình nghèo, các doanh nghiệp nhỏ. Các nghiên cứu của họ cho thấy các tổ chức đăng ký tín dụng mang lại nhiều lợi ích to lớn trong các thị trường tài chính phát triển và cũng hứa hẹn mang lại một hiệu quả cao đối với các quốc gia đang phát triển, đặc biệt ở những quốc gia nơi hệ thống ngân hàng luôn đối mặt với tỷ lệ nợ xấu khá cao. Những lợi ích mà các tổ chức này mang lại không chỉ đối với các ngân hàng mà cho cả nhiều đối tượng khách hàng khác nhau, những người trước nay chưa từng được tiếp cận vốn vay ngân hàng.

Với vai trò và ý nghĩa này, Chính phủ các quốc gia đã lần lượt thành lập các tổ chức đăng ký tín dụng công cộng. Ví dụ, Đức đã thành lập tổ chức đăng ký tín dụng đầu tiên

năm 1934, Pháp năm 1945, Ý và Tây Ban Nha năm 1962, Bỉ năm 1967. Từ năm 1989, đã có 12 trong số 56 nước được khảo sát có các tổ chức đăng ký tín dụng công cộng, trong đó có 9 nước ở Mỹ Latinh (Miller, 2000). Ở Việt Nam, Trung tâm Thông tin tín dụng (CIC) được thành lập năm 1993 trên cơ sở tổ chức lại Trung tâm Phòng ngừa rủi ro thuộc chi nhánh Ngân hàng Nhà nước Thành phố Hồ Chí Minh. Các tổ chức này chủ yếu được thành lập và hoạt động nhằm mục đích chính là điều tiết và quản lý hoạt động tín dụng của hệ thống ngân hàng và các thông tin mà chúng cung cấp thường không đầy đủ so với các tổ chức tư nhân. Ở nhiều nước, thông tin về tình trạng nợ quá hạn, hay nợ không thể thu hồi của các khách hàng do các tổ chức quản lý được xoá đi khi các khoản nợ được thanh toán. Trong khi đó, nhiều tổ chức chỉ công bố những thông tin tín dụng hiện tại, thiếu các thông tin quá khứ (Miller, 2000). Điều này có thể là do các tổ chức này hoạt động còn thiếu tổ chức và các phương thức hoạt động hợp lý, bên cạnh đó, cơ chế thực thi về trách nhiệm cũng là một vấn đề. Để tăng cường vai trò và tính hiệu quả trên thực tế mô hình này, nhiều quốc gia đã thừa nhận sự ra đời của các tổ chức đăng ký tín dụng tư nhân như một tất yếu, trong đó, Chính phủ đóng vai trò như là chất xúc tác, nghĩa là Chính phủ phải tạo lập được một hệ thống các khuôn khổ pháp lý có thể kiểm soát và để các tổ chức này có thể hoạt động tốt. Quan điểm cần thể hiện rõ ở nhận thức rằng, việc các khách hàng sẵn sàng chia sẻ các thông tin về lịch sử các quan hệ vay mượn của họ cả chính thức lẫn phi chính thức là vì lợi ích của họ.

Các ngân hàng cũng nhận thấy những lợi ích mang lại từ việc chia

sẽ các thông tin tín dụng khách hàng. Một hiệp hội chia sẻ thông tin tín dụng như vậy có thể được thành lập trên cơ sở sự hợp tác giữa các ngân hàng là rất khả thi. Tiêu chí hoạt động của Hiệp hội phải dựa trên việc chia sẻ lợi ích hài hoà của các ngân hàng thành viên. Một tổ chức đăng ký tín dụng tư nhân cũng nên được khuyến khích thành lập và hoạt động. Tuy nhiên, Chính phủ cần phải có các cơ chế quản lý như buộc các tổ chức này phải xây dựng được quy chế thu thập và phương thức sử dụng thông tin, trách nhiệm về quản lý và bảo mật thông tin khách hàng, các giấy chứng nhận về năng lực chuyên môn của người quản lý, về vốn và các cam kết khác. Điều quan trọng là tất cả những vấn đề này cần phải có hiệu lực thực thi và đảm bảo tính cạnh tranh công bằng.

Một số kết luận

Những lợi ích mang lại từ việc sẵn sàng chia sẻ thông tin của các nhóm khách hàng, trong đó bao gồm cả người nghèo và các doanh nghiệp nhỏ sẽ tạo điều kiện cho chính bản thân họ trong việc dễ dàng tiếp cận vốn vay ngân hàng. Các ngân hàng cũng dễ vươn đến nhiều đối tượng khách hàng tiềm năng khi mở rộng khả năng tiếp cận các nguồn thông tin tín dụng phi chính thức. Các tổ chức đăng ký tín dụng tư nhân ra đời đáp ứng lợi ích từ cả hai phía là ngân hàng và cả người đi vay bên cạnh sự song song tồn tại của các tổ chức đăng ký tín dụng công cộng do hoạt động của chúng còn khác nhau về mục tiêu. Song, cần một cơ chế xúc tác có hiệu lực và hiệu quả từ phía các cơ quan quản lý nhà nước là cần thiết để đảm bảo hạn chế những tác động tiêu cực mang tính xã hội lẫn kinh tế. Ở Mỹ, vẫn còn những người xem các tổ chức đăng ký tín dụng

như là sự xâm phạm đời tư của họ nhưng sự phát triển của các tổ chức này đã phần nào giúp cho khả năng tiếp cận tín dụng của người dân trở nên rộng rãi như ở thị trường tín dụng Mỹ hiện nay (Barron, 2000).■

1. Nhiều nghiên cứu đã được WB dẫn trích cho thấy, những người trả lời phỏng vấn từ các tổ chức báo cáo tín dụng ở Trung Quốc và Kênia cho biết, có nhiều doanh nghiệp không tuân thủ qui định về kế toán trong việc chuẩn bị báo cáo tài chính và nhiều doanh nghiệp trốn thuế bằng cách có các tài khoản ngân hàng bí mật hay duy trì nhiều hệ thống sổ sách khác nhau (Olegario, 2000). Cũng trong điều tra này, những người trả lời phỏng vấn ở Nga và Mexico nhận xét: nhiều cá nhân và chủ doanh nghiệp không muốn cung cấp các thông tin trung thực về tình hình tài chính của họ do lo ngại bị coi là phạm tội (WB, 2002, p.124-125).

2. Xin được trao đổi thêm về vấn đề này trong bài viết "Xây dựng thể chế nhằm tăng cường khả năng tiếp cận tài chính vi mô" đang hoàn thành của tác giả.

Tài liệu tham khảo

World Bank. 2001. Finance for Growth: Policy Choices in a Volatile World. Policy Research Report. New York: Oxford University Press.

World Bank. 2001. "Capacity Building for Economic Communication." Internal Report. Communications Department. Romania Country Office. World Bank, Bucharest.

World Bank. 2001. World Development Report 2000/2001: Attacking Poverty. New York: Oxford University Press.

Barron, John M., and Michael Staten. 2000. "The Value of Comprehensive Credit Reports: Lessons from the U.S. Experience." World Bank. Processed.

Miller, Margaret. 2000. "Credit Reporting Systems Around the Globe: The State of the Art in Public and Private Credit Registries." World Bank. Processed.

Ngân hàng Thế giới. 2001. Tài chính cho tăng trưởng: lựa chọn chính sách trong một thế giới đầy biến động. NXB. Văn hoá - Thông tin. Hà Nội.

Ngân hàng Thế giới. 2002. Xây dựng thể chế hỗ trợ thị trường. NXB. Chính trị Quốc gia. Hà Nội.